

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

Số: 37/CTCN-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

"V/v giải trình lợi nhuận sau thuế trong BCTC quý 4 năm 2021 trước soát xét so với BCTC năm 2021 được soát xét có sự chênh lệch từ 5% trở lên"

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên cổ phiếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

Mã cổ phiếu:

QNW

Địa chỉ:

17 Phan Chu Trinh - phường Nguyễn Nghiêm - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi

Mã số thuế:

4300326264

Người đại diện:

ông NGUYỄN ĐĂNG ĐỢ

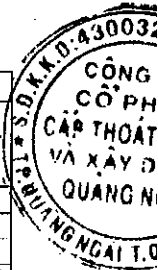
Chức vụ: Giám Đốc

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2021 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán quy định giải trình cụ thể khi lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi giải trình về việc lợi nhuận sau thuế trong BCTC quý 4 năm 2021 trước soát xét so với BCTC năm 2021 được soát xét có sự chênh lệch từ 5% trở lên cụ thể như sau

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		BCTC năm 2021 được soát xét	BCTC quý 4/2021 trước soát xét	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)	BCTC năm 2021 được soát xét	BCTC quý 4/2021 trước soát xét	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	71.201.964.351	70.602.174.203	599.790.148		71.201.964.351	70.602.174.203	599.790.148	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0	0		0	0	0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	71.201.964.351	70.602.174.203	599.790.148	1%	71.201.964.351	70.602.174.203	599.790.148	1%
4. Giá vốn hàng bán	11	50.479.886.679	45.535.960.164	4.943.926.515	11%	50.484.489.132	45.535.960.164	4.948.528.968	11%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp (20=10-11)	20	20.722.077.672	25.066.214.039	(4.344.136.367)	-17%	20.717.475.219	25.066.214.039	(4.348.738.820)	-17%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.152.696.247	2.152.691.721	4.526	0%	2.323.914.229	2.323.763.420	150.809	0%
7. Chi phí tài chính	22	613.555.256	613.555.256	0	0%	613.555.256	613.555.256	0	0%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	613.555.256	613.555.256	0		613.555.256	613.555.256	0	
8. Chi phí bán hàng	25	4.537.608.809	4.276.977.789	260.631.020	6%	4.537.608.809	4.276.977.789	260.631.020	6%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	9.064.221.443	8.102.722.501	961.498.942	12%	9.749.636.371	8.147.805.567	1.601.830.804	20%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26)	30	8.659.388.411	14.225.650.214	(5.566.261.803)	-39%	8.140.589.012	14.351.638.847	(6.211.049.835)	-43%
11. Thu nhập khác	31	246.046.216	178.436.216	67.610.000	38%	246.046.216	178.436.216	67.610.000	38%
12. Chi phí khác	32	226.201.620	226.201.620	0		244.928.066	226.201.620	18.726.446	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	19.844.596	(47.765.404)	67.610.000		1.118.150	(47.765.404)	48.883.554	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	8.679.233.007	14.177.884.810	(5.498.651.803)	-39%	8.141.707.162	14.303.873.443	(6.162.166.281)	-43%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.062.743.401	3.066.950.171	(1.004.206.770)	-33%	2.080.381.810	3.085.295.925	(1.004.914.115)	-33%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	0	0		0	0	0	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	6.616.489.606	11.110.934.639	(4.494.445.033)	-40%	6.061.325.352	11.218.577.518	(5.157.252.166)	-46%



Chỉ tiêu	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		BCTC năm 2021 được soát xét	BCTC quý 4/2021 trước soát xét	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)	BCTC năm 2021 được soát xét	BCTC quý 4/2021 trước soát xét	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ						6.017.985.262	11.175.520.366		
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát						43.340.090	43.057.152		
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu						300,90			
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu									

BCTC CÔNG TY MẸ

- Lợi nhuận trong năm 2021 trong BCTC được soát xét giảm với lý do : Doanh thu bán hàng chỉ tăng 1%
- Trong khi : - giá vốn hàng bán tăng 11% và chi phí bán hàng tăng 6%, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 12%, thu nhập khác tăng 38%.

Dẫn đến lợi nhuận trong năm 2021 trong BCTC được soát xét giảm 40%.

BCTC HỢP NHẤT

- Lợi nhuận trong năm 2021 trong BCTC được soát xét giảm với lý do : Doanh thu bán hàng chỉ tăng 1%
- Trong khi : - giá vốn hàng bán tăng 11% và chi phí bán hàng tăng 6%, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 20%, thu nhập khác tăng 38%.

Dẫn đến lợi nhuận trong năm 2021 trong BCTC được soát xét giảm 46%.

Trần Trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu P.Kế toán, P.HC

